

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2022

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 18/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Thanh N, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ hiện nay: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị T và anh Đào Thanh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, Quyền số 01/2007 vào ngày 24/10/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù, chị T đã khuyên nhủ, tha thứ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N. Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Đào Tuyết B, sinh ngày 19/9/2005

và Đào Lê N1, sinh ngày 22/10/2010. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu B, giao cho anh N nuôi dưỡng cháu N1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đào Thanh N trình bày: Anh N và chị T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu tính nhau, không thông cảm cho nhau nên có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Vì vậy, anh N không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu Đào Tuyết B, sinh ngày 19/9/2005 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Đào Lê N1, sinh ngày 22/10/2010 cho anh N nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Đào Thanh N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Đào Thanh N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh N đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Thôn B và UBND xã T đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị T và anh N. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh N không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T cho rằng không còn tình cảm và vẫn cương quyết ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung là Đào Tuyết B, sinh ngày 19/9/2005 và Đào Lê N1, sinh ngày 22/10/2010. Chị T và anh N đều thống nhất giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho anh N nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu B đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu B có nguyện vọng được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cháu N1 đang được anh N trực tiếp nuôi dưỡng và cháu N1 cũng có nguyện vọng được anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Đào Tuyết B cho chị Lê Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đào Lê N1 cho anh Đào Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Đào Thanh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đào Thanh N.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Lê Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Tuyết B, sinh ngày 19/9/2005; giao cho anh Đào Thanh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Lê N1, sinh ngày 22/10/2010, khi cháu B và cháu N1 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị T và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0011618 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đào Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (18/3/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND thị xã A;
 - Chi cục THADS TX. A;
 - UBND xã T, TX. A,
- tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông